



**Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính tóm tắt cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(lập cho mục đích tuân thủ quy định báo cáo tài chính
của Thông tư số 234/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Kính gửi Chủ sở hữu
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018, từ trang 3 đến trang 8, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và các chỉ tiêu tài chính cơ bản cho năm kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính (đầy đủ) trong báo cáo kiểm toán lập ngày 19 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính (đầy đủ) và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính (đầy đủ) của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và các chỉ tiêu tài chính cơ bản cho năm kết thúc cùng ngày theo các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – *Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng đã được kiểm toán đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-084/4



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0306-2018-007-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã chỉ tiêu	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt tại quỹ	110	27.742
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	120	227.540
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	130	7.247.090
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	131	7.247.090
IV	Chứng khoán kinh doanh		56.508
1	Chứng khoán kinh doanh		56.508
VI	Cho vay khách hàng	160	12.616.813
1	Cho vay khách hàng	161	12.708.755
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	169	(91.942)
VII	Mua nợ		500.319
1	Mua nợ		504.503
2	Dự phòng mua nợ		(4.184)
VIII	Chứng khoán đầu tư	170	4.772.503
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	171	4.772.503
X	Tài sản cố định	220	19.763
1	Tài sản cố định hữu hình	221	17.767
a	Nguyên giá	222	159.635
b	Hao mòn tài sản cố định	223	(141.868)
3	Tài sản cố định vô hình	227	1.996
a	Nguyên giá	228	6.446
b	Hao mòn tài sản cố định	229	(4.450)
XII	Tài sản Có khác	250	555.027
1	Các khoản phải thu	251	359.880
2	Các khoản lãi, phí phải thu	252	237.378
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	253	30.542
4	Tài sản Có khác	254	24.114
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	259	(96.887)
TỔNG TÀI SẢN		300	26.023.305
			39.064.750

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

		Mã chỉ tiêu	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	320	6.971.942	1.739.320
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	321	6.971.942	1.739.320
III	Tiền gửi của khách hàng	330	13.053.361	32.636.295
VI	Phát hành giấy tờ có giá	360	-	68.063
VII	Các khoản nợ khác	370	644.072	330.976
1	Các khoản lãi, phí phải trả	371	38.090	79.103
3	Các khoản phải trả và nợ khác	373	605.982	251.873
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	400	20.669.375	34.774.654
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn chủ sở hữu	500	5.353.930	4.290.096
1	Vốn điều lệ	410	3.000.000	3.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	420	613.280	453.705
5	Lợi nhuận chưa phân phối	450	1.740.650	836.391
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.353.930	4.290.096
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	800	26.023.305	39.064.750
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
2	Cam kết giao dịch hối đoái		(800.179)	(423.720)
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		89.544.575	51.918.317
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		(90.344.754)	(52.342.037)
3	Cam kết cho vay không hủy ngang		1.970.170	1.653.415
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	912	2.492.570	4.052.775
5	Bảo lãnh khác	913	3.770.247	4.619.194

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Mã chỉ tiêu	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	01	1.893.057	1.840.586
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	02	(539.152)	(610.202)
I	Thu nhập lãi thuần	03	1.353.905	1.230.384
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	04	325.188	352.103
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	05	(25.845)	(26.493)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	06	299.343	325.610
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	07	198.305	252.243
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	08	26.164	65.463
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	09	34.227	88.831
5	Thu nhập từ hoạt động khác	10	825.100	14.256
6	Chi phí hoạt động khác	11	(17)	(149)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	12	825.083	14.107
VIII	Chi phí hoạt động	14	(1.331.359)	(1.316.349)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	15	1.405.668	660.289
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	16	(72.871)	(93.160)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	17	1.332.797	567.129
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	(290.066)	(106.440)
8	Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19	21.103	(8.615)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20	(268.963)	(115.055)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	21	1.063.834	452.074

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(phương pháp trực tiếp)

		Mã chỉ tiêu	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	01	1.723.367	1.872.613
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	02	(566.090)	(660.174)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	03	317.582	325.610
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)	04	258.696	440.042
05	Thu nhập khác	05	46.831	2.473
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	06	13.904	11.516
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	07	(1.221.137)	(1.292.794)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	08	(114.056)	(101.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động			459.097	597.594
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	10	-	1.124.353
10	Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	11	394.585	763.753
12	(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng	13	(5.741.482)	2.091.950
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	15	(187.286)	179.604
Thay đổi về công nợ hoạt động				
16	Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	17	5.232.622	(4.559.377)
17	Giảm tiền gửi của khách hàng	18	(10.344.701)	(2.895.001)
18	Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	19	(68.063)	(24.162)
21	Tăng khác về nợ hoạt động	22	76.744	39.439
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	24	(10.178.484)	(2.681.847)

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

			2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	25	(3.451)	(17.900)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	26	71	118
08	Tiền chi trả thuần khi bán mảng kinh doanh bán lẻ	32	(1.659.699)	-
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	34	(1.663.079)	(17.782)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	42	(11.841.563)	(2.699.629)
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	43	19.805.731	22.505.360
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	45	7.964.168	19.805.731

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017 Triệu VND/%	31/12/2016 Triệu VND/%
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
Tổng tài sản có	26.023.305	39.064.750
Tỷ lệ an toàn vốn	17,46%	13,87%
Nợ quá hạn	-	234.613
Nợ khó đòi	-	157.360
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,00%	0,71%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0,00%	0,49%
Huy động tiền gửi	13.053.361	32.636.295
Khả năng dự trữ thanh khoản	32,23%	18,24%
Khả năng thanh toán – trong 30 ngày tiếp theo		
▪ VND	160,07%	278,61%
▪ Các loại tiền tệ khác	40%	37,82%

	2017 Triệu VND/%	2016 Triệu VND/%
Doanh số cho vay khách hàng	41.398.182	40.086.594
Doanh số thu nợ khách hàng	40.126.352	42.178.544
Hệ số sử dụng vốn (ROE) (%)	22,1%	11,12%

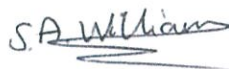
Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bà Ngô Thị Hà
Kế toán

Người soát xét:



Bà Stephanie Williams
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:




Ông Dennis Hussey
Tổng Giám đốc